

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Hiếu**.

2/ Bà **Tạ Thị Nhuận**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Ngọc Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ngọc M**, sinh năm 1981. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Đinh Văn V**, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 28/3/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Đinh Văn V** thành hôn vào năm 2001, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/01/2002. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh V thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình. Chị nhiều lần cố gắng vun đắp tình cảm nhưng không thể được và vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đinh Văn V.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Vỹ Khang, sinh ngày 08/8/2001 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn với anh Đinh Văn V cư trú tại ấp H, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M có đơn xin vắng mặt ngày 17/5/2023, bị đơn anh Đinh Văn V được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Ngọc M và anh Đinh Văn V thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02 vào ngày 08/01/2002 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh V là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị M và anh V thời gian đầu sống hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống do anh V thường rượu chè, cờ bạc, không quan tâm lo lắng cho gia đình và vợ chồng ly thân từ tháng 02/2020 đến nay không hàn gắn lại được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh V vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị M và anh V không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét con chung tên Đinh Vũ Khang, sinh ngày 08/8/2001 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M. Xử cho chị M ly hôn với anh Đinh Văn V.

2. Về con chung: Con chung tên Đinh Vũ Khang, sinh ngày 08/8/2001 đã trưởng thành, không thuộc trường hợp phải cấp dưỡng, chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Ngọc M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Ngọc M phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị M đã nộp theo biên lai thu số 0004014 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
(Giấy chứng nhận kết hôn số 02 ngày 08/01/2002);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An